

**PRONUNCIATION: STRESS IN WORDS WITH MORE THAN THREE SYLLABLES***(Ngữ âm: Trọng âm của các từ có nhiều hơn ba âm tiết)***UNIT 7: VIET NAM AND INTERNATIONAL ORGANISATIONS****MÔN: TIẾNG ANH 10 GLOBAL SUCCESS****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****I. Quy tắc 1.**

Một số từ dài có trọng âm thứ 2 yếu hơn nhiều so với trọng âm chính.

**Ví dụ:** ,eco' nomic (*thuộc về kinh tế*)

Trong từ điển, trọng âm chính được đánh dấu phía trên và trọng âm thứ hai được đánh dấu phía dưới trước âm tiết được nhấn.

**II. Quy tắc 2**

Trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai từ dưới lên của các từ có hậu tố: *-ic, -ics, -ion, -ian, -ual, -o/-ow, -ient, -ience, -eous, -ious, -ish*

Ví dụ:

Hậu tố	Từ
-ic	a'quatic ( <i>thuộc về nước</i> )
-ics	mathe'matics ( <i>toán học</i> )
-ion	con'version ( <i>bài hội thoại</i> )
-ian	mu'sician ( <i>nhạc sĩ</i> )
-ial	fi'nancial ( <i>thuộc về tài chính</i> )
-ual	indi'vidual ( <i>cá nhân</i> )
-o/-ow	to'morrow ( <i>ngày mai</i> )
-ient	con'venient ( <i>tiện nghi</i> )
-ience	ex'perience ( <i>kinh nghiệm</i> )
-eous	advan'tageous ( <i>thuận lợi</i> )
-ious	con'tagious ( <i>truyền nhiễm</i> )
-ish	'yellowish ( <i>hơi vàng</i> )

\* Một số ngoại lệ:

'lunatic (*người mất trí*)

'television (*truyền hình*)

**III. Quy tắc 4**

Trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba từ dưới lên của các từ có hậu tố: *-itive, -ate, -gy, -phy, -try, -fy, -ical, -inal, -ity, -ety, -ible, -ise/-ize*

Hậu tố	Từ
-itive	i'nitiative ( <i>sáng kiến</i> )
-ate	'candidate ( <i>thí sinh</i> )
-gy	a'pology ( <i>lời xin lỗi</i> )
-phy	ge'ography ( <i>địa lý</i> )
-try	'chemistry ( <i>hóa học</i> )
-fy	i'dentify ( <i>xác định</i> )
-ical	'technical ( <i>thuộc về kỹ thuật</i> )
-inal	'criminal ( <i>tội phạm</i> )
-ity	'charity ( <i>từ thiện</i> )
-ety	so'ciety ( <i>xã hội</i> )
-ible	'possible ( <i>có thể</i> )
-ize/-ise	'minimise ( <i>tối thiểu</i> )

\* Một số ngoại lệ

'characterize (*đặc trưng*)

'capitalize (*viết hoa*)

#### IV. Quy tắc 4

Trọng âm rơi vào âm tiết thứ tư từ dưới lên của các từ có hậu tố: *-ary, -ative*

Hậu tố	Từ
-ary	i'maginary ( <i>tưởng tượng</i> )
-ative	con'servative ( <i>bảo thủ</i> )

#### V. Quy tắc 5

Trọng âm rơi vào âm tiết cuối của các từ có hậu tố: *ee, eer, oo, oon, aire, ain, ade, ique, esque, ese, ette*

Hậu tố	Từ
-ee	nomi'nee ( <i>người được đề cử</i> )
-eer	engi'neer ( <i>kỹ sư</i> )
-oo	kanga'roo ( <i>chuột túi</i> )
-oon	after'noon ( <i>buổi chiều</i> )
-aire	question'naire ( <i>bảng câu hỏi khảo sát</i> )
-ain	enter'tain ( <i>giải trí</i> )
-ade	ar'cade ( <i>cửa tò vò</i> )
-ique	u'nique ( <i>độc đáo</i> )
-esque	pictu'resque ( <i>đẹp như tranh</i> )
-ese	Vietna'mese ( <i>tiếng Việt</i> )
-ette	ca'ssette ( <i>máy cát-sét</i> )

\* Một số ngoại lệ:

‘coffee (*cà phê*)

co'mmittee (*ủy ban*)

## VI. Quy tắc 6

**1. Danh từ ghép:** Trọng âm thường rơi vào từ đầu tiên

Ví dụ: ‘greenhouse (*nhà kính*), ‘blackboard (*bảng đen*)

**2. Tính từ ghép:**

- Danh từ đứng trước: trọng âm rơi vào phần thứ nhất.

Ví dụ: ‘homesick (*nhớ nhà*), ‘heart-broken (*đau khổ*)

- Tính từ/ trạng từ đứng trước: trọng âm rơi vào phần thứ hai.

Ví dụ: good-‘looking (*uru nhìn*), self-‘confident (*tự tin*), well-‘dressed (*ăn mặc đẹp*)

**3. Động từ ghép:** Trọng âm thường rơi vào từ thứ hai.

Ví dụ: under‘stand (*hiểu*), over‘see (*giám sát*)

**4. Một số chú ý**

Một số tiền tố và hậu tố khi thêm vào từ không làm thay đổi trọng âm của từ đó. Khi gặp các từ chứa tiền tố và hậu tố, việc tách các tiền tố và hậu tố này để xác định từ gốc từ đó xác định trọng âm trong tiếng Anh theo các quy tắc trên.

Tiền tố	Từ gốc	Ví dụ
un-	‘pleasant ( <i>vui lòng</i> )	un‘pleasant ( <i>không vui lòng</i> )
im-	‘possible ( <i>khả thi</i> )	im‘possible ( <i>bất khả thi</i> )
in-	‘difference ( <i>sự khác biệt</i> )	in‘difference ( <i>thờ ơ</i> )
ir-	‘regular ( <i>có quy tắc</i> )	ir‘regular ( <i>bất quy tắc</i> )
dis-	a‘gree ( <i>đồng ý</i> )	disa‘gree ( <i>không đồng ý</i> )
non-	acol‘holic ( <i>chứa cồn</i> )	non-acol‘holic ( <i>không chứa cồn</i> )
en-	‘able ( <i>có thể</i> )	en‘able ( <i>làm cho có khả năng</i> )
re-	a‘rrange ( <i>sắp xếp</i> )	rea‘rrange ( <i>sắp xếp lại</i> )
over-	‘think ( <i>nghĩ</i> )	over‘think ( <i>suy nghĩ quá nhiều</i> )

\* **Ngoại lệ:** Đối với tiền tố “under”, trọng âm thường bị thay đổi

Ví dụ: ‘statement (*câu trần thuật*) -> ‘understatement (*sự nói nhỏ*)

Hậu tố	Từ gốc	Ví dụ
-ly	con‘venient ( <i>tiện nghi</i> )	con‘veniently ( <i>một cách tiện nghi</i> )
-ing	‘interest ( <i>sự thú vị</i> )	‘interesting ( <i>thú vị</i> )
-al	‘commune ( <i>xã</i> )	‘communal ( <i>thuộc về thị xã</i> )
-able	‘comfort ( <i>sự thoải mái</i> )	‘comfortable ( <i>thoải mái</i> )
-less	‘care ( <i>sự quan tâm</i> )	‘careless ( <i>bất cẩn</i> )
-ful	‘beauty ( <i>vẻ đẹp</i> )	‘beautiful ( <i>xinh đẹp</i> )

-er/or	‘work ( <i>công việc</i> )	‘worker ( <i>công nhân</i> )
-en	‘broad ( <i>rộng rãi</i> )	‘broaden ( <i>mở rộng</i> )
-ment	enter’tain ( <i>giải trí</i> )	enter’tainment ( <i>sự giải trí</i> )
-ness	‘happy ( <i>vui vẻ</i> )	‘happiness ( <i>niềm vui</i> )
-ship	re’lation ( <i>sự liên quan</i> )	re’lationship ( <i>mối quan hệ</i> )
-hood	‘child ( <i>trẻ em</i> )	‘childhood ( <i>thời thơ ấu</i> )